TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN HẢI** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày: 04 - 01 - 2023
V/v Tranh chấp nợ hụi
và hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nghi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hường

2. Ông Trần Quốc Toản

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp nợ hụi và hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Đoàn Thị Thủy E, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp TT, xã LS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Bá B, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp XD, xã TY, huyện AB, Kiên Giang.

(Văn bản ủy quyền số 640 ngày 29 tháng 9 năm 2022).

2. *Bị đơn*: Ông Trần Thanh C, sinh năm 1972 và bà Dương Thị Tuyết D, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp TT, xã LS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông C là bà Dương Thị Tuyết D, sinh năm 1974.

(Văn bản ủy quyền số 42 ngày 16 tháng 9 năm 2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09 tháng 9 năm 2022 nguyên đơn bà bà Đoàn Thị Thủy E và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Thủy E là ông Lưu Bá B trình bày:

Bà Thủy Em là chủ hụi có cho bà Tuyết D tham gia chơi hụi từ năm 2018 đến năm 2020, sau khi hốt hụi các dây hụi thì bà D còn nợ tiền hụi là 456.000.000 đồng.

Vào ngày 24/8/2018 Al (nhằm ngày 03/10/2018 DL) bà D có xin vay 50.000.000 đồng để làm ăn nên bà Thủy E có cho bà D vay, sau đó bà D có đóng lãi 10.000.000 đồng thì không đóng nữa.

Ngày 06/6/2019 Al (nhằm ngày 08/7/2019 DL), do cần vốn làm ăn nên bà D có nhờ bà Thủy E hỏi vay dùm số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là: 6.000.000 đồng/tháng, bà D đóng 03 tháng thì không đóng nữa.

Nay bà Thủy E yêu cầu bà D trả số tiền gốc là 606.000.000 đồng, trong đó tiền vay là 150.000.000 đồng, tiền hụi là 456.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay 50.000.000 đồng từ ngày 03/10/2018 DL đến ngày 03/01/2023 Dl là 40.670.000 đồng, số tiền vay 100.000.000 đồng từ ngày 08/7/2019 DL đến ngày 08/12/2022 là 66.400.000 đồng.

- Bị đơn bà Dương Thị Tuyết D trình bày: Bà D thừa nhận có vay của bà Thủy E lần đầu 50.000.000 đồng, lần 2 là 100.000.000 đồng và có tham gia nhiều dây hụi do bà Thủy E làm chủ hụi, hiện nay còn nợ của bà Thủy E tổng số tiền nợ hụi, nợ vay gốc là 606.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên xin bà Thủy E cho ngưng đóng lãi, về phần nợ gốc 606.000.000đ, bà D xin được trả trước 200.000.000 đồng, phần còn lại bà D xin trả mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi hết nợ.

- Bị đơn ông Trần Thanh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai ngày 15/11/2022 ông C trình bày: Thống nhất phần trình bày của vợ là bà Dương Thị Tuyết D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn bà Đoàn Thị Thủy E khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Dương Thị Tuyết D, ông Trần Thanh C thanh toán số tiền nợ vay 150.000.000 đồng, nợ hụi 456.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và

tranh chấp nợ hụi theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn ông Trần Thanh C vắng mặt nhưng có văn bản ủy quyền cho vợ là bà Dương Thị Tuyết D tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử khi đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Thủy E yêu cầu bị đơn bà Dương Thị Tuyết D, ông Trần Thanh C trả tiền nợ tổng cộng là 606.000.000 đồng gốc (Trong đó tiền nợ vay là 150.000.000 đồng, tiền nợ hụi là 456.000.000 đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền vay 150.000.000 đồng Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại biên bản hòa giải ấp TT, xã LS, huyện KH ngày 09/9/2022 (BL 08), bản tự khai ngày 15/11/2022 (BL 26, 27), các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà D đều thừa nhận có vay của bà Thủy E lần 1 là 50.000.000 đồng, lần 2 là 100.000.000 đồng và có tham gia chơi hụi do bà Thủy E làm chủ hụi, bà D hốt hụi còn nợ hụi chưa đóng tổng cộng là 456.000.000 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc bà D thừa nhận còn thiếu bà Thủy E là 606.000.000 đồng nên căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

- Đối với số tiền hụi gốc là 456.000.000 đồng thì nguyên đơn bà Thủy E và bị đơn bà D thống nhất số nợ, không yêu cầu tính lại số tiền, bà Thủy E không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền hụi gốc này nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của đương sự.

- Đối với số tiền vay 150.000.000 đồng gốc do bà D, ông C vay nhưng chưa thanh toán lãi đúng hạn nên căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà D, ông C phải thanh toán cho nguyên đơn bà Thủy E tiền lãi, tuy nhiên các đương sự thỏa thuận lãi suất vượt quá quy định pháp luật nên lãi suất được tính lại như sau:

- Số tiền vay gốc 50.000.000 đồng tính lãi từ ngày 03/10/2018 DL đến ngày 03/01/2023 DL là: 50.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 49 tháng = 40.670.000 đồng trừ 10.000.000 đồng tiền lãi bà Dung đã đóng, còn lại 30.670.000 đồng.

- Số tiền vay gốc 100.000.000 đồng tính lãi từ ngày 08/7/2019 DL đến ngày 08/12/2022 DL là: 100.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 40 tháng (chỉ tính

40 tháng) = 66.400.000 đồng trừ 18.000.000 đồng tiền lãi bà D đã đóng, còn lại 48.400.000 đồng.

Từ các cơ cở nhận định trên, Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Trần Thanh C, bà Dương Thị Tuyết D phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Đoàn Thị Thủy E số tiền 685.070.000 đồng (Trong đó 606.000.000 đồng gốc, 79.070.000 đồng lãi).

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị đơn bà Dương Thị Tuyết D, ông Trần Thanh C liên đới chịu án phí có giá ngạch số tiền là 31.402.800 đồng do bị buộc trả số tiền 685.070.000 đồng.

- Trả lại cho bà Đoàn Thị Thủy E tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.560.000 đồng theo biên lai số 0007036 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Kiên Hải.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27; khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Thủy E.

Buộc bị đơn bà Dương Thị Tuyết D, ông Trần Thanh C có trách nhiệm liên đơn thanh toán cho nguyên đơn bà Đoàn Thị Thủy E số tiền 685.070.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi đồng*), trong đó 606.000.000 đồng gốc, 79.070.000 đồng lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền chưa thi hành án hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị đơn bà Dương Thị Tuyết D, ông Trần Thanh C liên đới chịu án phí có giá ngạch số tiền là 31.402.800 đồng.

- Trả lại cho bà Đoàn Thị Thủy E tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.560.000 đồng theo biên lai số 0007036 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Kiên Hải.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Kiên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Nghi